

Số: 620/BC-UBND

An Giang ngày 21 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Quý 2 năm 2024)

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; UBND tỉnh An Giang báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý 2 năm 2024 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 0 thủ tục.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: 0 thủ tục.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong kỳ tỉnh An Giang không phát sinh dự thảo văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Trong Quý 2 năm 2024, tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: là 29 Quyết định (Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo).
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 0 văn bản.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 322 thủ tục (bao gồm: công bố mới: 22 TTHC; Sửa đổi, bổ sung: 285 TTHC; bãi bỏ 15 TTHC); trong đó số TTHC được công khai 307 thủ tục, không công khai 15 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 1929 thủ tục; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 1925 thủ tục; số TTHC do địa phương quy định: 04 thủ tục.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 về Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024. Theo đó, tổng số TTHC phải rà theo quyết định là 08 TTHC.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 27 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 25; số từ kỳ trước chuyển qua: 2; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 18; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 09.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 23 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 23 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 04 PAKN (Lĩnh vực đất đai cấp tỉnh: 01).

b) Các cơ quan ngành dọc:

Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 17 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 12; số từ kỳ trước chuyển qua: 5; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 1; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 16.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 10 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 10 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 7 PAKN.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC (Các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh)

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 277.791, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 272.452 (trực tuyến: 189.281, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 83.171), số từ kỳ trước chuyển qua: 5.339.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 258.115; trong đó, giải quyết trước hạn: 102.206, đúng hạn: 155.785, quá hạn: 124.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 19.676; trong đó, trong hạn: 19.666, quá hạn: 10.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn ((trước hạn + đúng hạn + đang giải quyết trong hạn)/Tổng số hồ sơ tiếp nhận): 277.657 hồ sơ, tỷ lệ 99,95%;

- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): 134 hồ sơ, tỷ lệ 0,05%.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

- Những trường hợp giải quyết quá hạn các đơn vị điều có thư xin lỗi, người dân và doanh nghiệp.

b) Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 1.006.391, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 986.491 (trực tuyến: 870.669, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 115.822); số từ kỳ trước chuyển qua: 119.900.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 996.737; trong đó, giải quyết trước hạn: 419.423, đúng hạn: 577.301, quá hạn: 13.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 9.220; trong đó, trong hạn: 9.220, quá hạn: 0.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn ((trước hạn + đúng hạn + đang giải quyết trong hạn)/ Tổng số hồ sơ tiếp nhận): 1.005.944 hồ sơ, tỷ lệ 99,96%;

- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): chiếm: 0,04%.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

a) Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

- Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Trong năm 2018, UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh An Giang đã hoàn thành việc kiện toàn 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã, trong đó bao gồm cả TTPVHCC của tỉnh¹.

- Thực hiện quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (gọi tắt là Đề án). Trong năm 2021, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án và đến nay 11/11 UBND cấp huyện cơ bản đã xây dựng và ban hành kế hoạch theo đúng yêu cầu của Thủ tướng và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Quý 2 năm 2024 UBND tỉnh tiếp tục thực hiện Quyết định số 277/QĐ-UBND về Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, ký số kết quả thủ tục hành chính theo các quyết định của UBND tỉnh đã ban hành, cụ thể:

+ Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 về Ban hành danh mục thủ tục hành chính bắt buộc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho tổ chức, cá nhân.

+ Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 về ban hành danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện theo Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Công văn số 366/UBND-TH ngày 15/4/2022.

b) Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh

Đến nay, UBND tỉnh đã công bố danh mục với 100% TTHC tiếp nhận tại

¹ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

Bộ phận Một cửa đảm bảo đúng quy định tại Điều 14 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/04/2018 của Văn phòng Chính phủ và danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Trong Quý 2 năm 2024, UBND tỉnh đã công bố 29 Quyết định về công bố danh mục TTHC: ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị (*Phụ lục 1*); 13 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các đơn vị (*Phụ lục 2*); Đã ban hành hủy 01 Quyết định về ủy quyền giải quyết TTHC (tính đến nay 01 Quyết định ủy quyền).

c) Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã tổ chức triển khai việc đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh hàng tháng giúp UBND tỉnh công khai kết quả đánh giá các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông

Hiện nay tỉnh An Giang vẫn đang thực hiện Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

- Liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh với 85 thủ tục (các cơ quan ngành dọc 05 thủ tục).

- Liên thông cùng cấp với 140 thủ tục:

+ Cấp tỉnh với 103 thủ tục.

+ Cấp huyện với 31 thủ tục.

+ Các cơ quan ngành dọc với 06 thủ tục.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

a) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tái cấu trúc quy trình TTHC, UBND tỉnh đã ban hành Danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện trên địa bàn

tỉnh An Giang tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021; Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 về công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần và lộ trình tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 phê duyệt danh mục DVCTT bắt buộc trả kết quả bản điện tử (với 2.121 TTHC); Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 ban hành danh mục TTHC có thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa (với 1.766 TTHC). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã cung cấp đầy đủ danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo các quyết định đã công bố, cụ thể:

- + Số lượng dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến: 408 DVC.
- + Số lượng DVCTT một phần: 647 DVC.
- + Số lượng DVCTT toàn trình: 955 DVC.

Bên cạnh đó, Cổng dịch vụ công trực tuyến cung cấp giao diện cho thiết bị di động để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dichvucong.angiang.gov.vn/dichvucong/hoidap>, tiếp nhận phản ánh kiến nghị thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua kênh tương tác Zalo, liên hệ trực tiếp. Đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) cho người dân trên Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang nhằm giải đáp thắc mắc của người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang cung cấp.

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thực hiện kết nối với các hệ thống của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST) thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý; Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý.

Kết nối với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thông qua VietinBank, kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment Platform của Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các phần mềm ứng dụng chuyên ngành trong nội bộ tỉnh:

- Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường;

- Kết nối liên thông giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống quản lý chuyên ngành của các Bộ, ngành, Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cụ thể:

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý Hộ tịch: Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn),

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá).

+ Phần mềm chuyên ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua).

+ Kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an (ngày 11/12/2022).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS).

+ Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov).

+ Hệ thống phần mềm dịch vụ công “Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến” tại đường dẫn <https://dvcbtxh.molisa.gov.vn/> của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

+ Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang theo hướng dẫn tại Công văn số 429/TTCNTT-PM ngày 15/7/2022 của Trung tâm Công nghệ thông tin – Bộ Giao thông vận tải

b) Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan, địa phương còn hiệu lực và tình hình, kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã ban hành.

Trên cơ sở triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 03/03/2021 về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh An Giang, đảm bảo 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa khi dự án kết thúc.

UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các đơn vị, lập dự toán kinh phí cho việc nâng cấp để đáp ứng yêu cầu về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT

ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) để trình UBND tỉnh xin chủ trương bố trí kinh phí để thực hiện.

UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương kết thúc triển khai thử nghiệm “Hệ thống số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC” trên địa bàn tỉnh An Giang và giao Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh triển khai chính thức trong thời gian tới (Tại văn bản số 5010/VPUBND-KGVX ngày 15/9/2023).

Đối với dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 cần phải điều chỉnh để đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Văn phòng Chính phủ.

Trong Quý 2 năm 2024 (từ ngày 15/03/2024 đến 14/6/2024), UBND tỉnh đã thống kê trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận: 84,72% (**tăng 9,69%**); tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ: **73,41%** (**tăng 9,32%**), cụ thể:

Số hóa hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận:

Số hồ sơ Tiếp nhận: 175.935 hồ sơ;

Số hồ sơ chưa số hoá TPHS: 20.260 hồ sơ;

Số hồ sơ có số hoá thành phần HS: 155.675 hồ sơ;

Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ: 149.046 hồ sơ;

Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận: 84,72 %;

Số hóa kết quả giải quyết TTHC:

Số hồ sơ đã giải quyết: 159.113 hồ sơ;

Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC: 42.314 hồ sơ;

Số hồ sơ có số hoá kết quả: 116.799 hồ sơ;

Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ: 73,41 %;

c) Tình hình tích hợp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tính đến nay, đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (1.467 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỉ lệ 100% theo Quyết định 2042/QĐ-UBND và Quyết định 2856/QĐ-UBND.

- Kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang đã kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào **ngày 11/12/2022**.

Đã thực hiện kết nối, tích hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 8/25 dịch vụ công thiết yếu nêu trên vào bước tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra danh tính công dân, tự động điền thông tin công dân vào biểu mẫu thông tin người nộp hồ sơ và hiển thị 20 trường thông tin công dân trên hệ thống khi kiểm tra có dữ liệu trong CSDL quốc gia về dân cư.

d) Triển khai tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Phụ lục 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã triển khai 8/25 dịch vụ công thiết yếu:

- (1) Đăng ký khai sinh;
- (2) Đăng ký khai tử;
- (3) Đăng ký kết hôn;
- (4) Triển khai nhóm thủ tục hành chính liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- (5) Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất do thay đổi thông tin người được cấp giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ);
- (6) Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ giáo dục và Đào tạo);
- (7) Cấp phiếu lý lịch tư pháp;
- (8) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia).

- Đối với 17/25 dịch vụ công thiết yếu còn lại đang được triển khai trên phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành trung ương triển khai xuống địa phương nên sẽ do Bộ, ngành trung ương thực hiện kết nối, tích hợp với CSDL quốc gia về dân cư.

- Thực hiện kết nối liên thông 2 nhóm dịch vụ công liên thông:

(1) Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi và (2) Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú – Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng trên địa bàn tỉnh An Giang. **Ngày 17/6/2023** đã hoàn thành kết nối với các API kết nối, chia sẻ dữ liệu và gửi về Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Bộ Công an để thực hiện đánh giá an toàn an ninh thông tin trước khi được triển khai vận hành trên hệ thống chính thức.

đ) Triển khai thanh toán trực tuyến (thống kê trên cổng DVC quốc gia tại

địa chỉ: <https://quantri.dichvucong.gov.vn/>).

- Đối với phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính trong Quý 2 năm 2024: Tổng số giao dịch thành công là 85.915 lượt giao dịch (tăng 21.314 lượt so với kỳ trước) với tổng số tiền thu được: **2.625.468.840** đồng (tăng 997.083.340 đồng so với kỳ trước).

- Đối với nghĩa vụ tài chính về thu thuế đất: Tổng số giao dịch thành công là 4.325 lượt giao dịch (tăng 1.275 lượt giao dịch so với kỳ trước), với tổng số tiền thu được: **20.711.502.488** đồng (tăng 6.279.404.798 đồng so với kỳ trước).

e) Tập huấn, bồi dưỡng

UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức Hội nghị tập huấn, xây dựng các clip tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức, doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa các cấp về tái sử dụng các kết quả thủ tục hành chính trước đó.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch tuyên truyền Cải cách thủ tục hành chính năm 2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị triển khai có hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng² (với 6.517 thành viên) tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến mà tỉnh cung cấp. Đồng thời đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng để thúc đẩy công nghệ số, đưa người dân lên môi trường số, người dân tiên phong sử dụng nền tảng số, công nghệ số, qua đó, trở thành tác nhân thúc đẩy chính quyền công nghệ số mạnh mẽ hơn.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thiết lập kênh tuyên truyền cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trên các trang mạng xã hội (Zalo OA, Fanpage Facebook, Youtube ...) lồng ghép tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên mạng xã hội và cổng thông tin điện tử.

- Các đơn vị tăng cường công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC dưới nhiều hình thức, như: Đăng tin bài về hoạt động kiểm soát TTHC; phổ biến kịp thời các nội dung công tác chỉ đạo, điều hành về hoạt động kiểm soát TTHC trên Cổng Thông tin điện tử; Tạo file hướng dẫn, tạo tài khoản giúp người

² Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Kế hoạch tổ chức triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang (11/11 huyện thành lập Tổ CNSCĐ với tổng cộng 6.517 thành viên; trong đó, Tổ cấp phường/xã: 156 tổ với 1.609 thành viên; Tổ cấp khóm/ấp: 731 tổ với 4.908 thành viên).

dân, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp cách nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia liên kết với cổng dịch vụ công của tỉnh, đăng trên Cổng thông tin của cơ quan.

- Chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh tăng cường tuyên truyền và phát huy hiệu quả trang Fanpage facebook (<https://www.facebook.com/thutuchanhchinhAG>) và kênh OA Zalo (<https://zalo.me/tthcag>) về thủ tục hành chính để tuyên truyền các chủ trương, quy định mới về thủ tục hành chính.

- Tỉnh đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp cho người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang triển khai.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC:

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm soát thủ tục hành chính cũng như công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh trong Quý 2 năm 2024, các đơn vị đã triển khai một số mô hình như sau:

- UBND huyện Phú Tân: Xây dựng mô hình tuyên truyền phương thức thực hiện thủ tục hành chính qua màn hình tivi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Long Hòa); Triển khai Mô hình “Hai hỗ trợ công dân”: hướng dẫn người dân về trình tự thủ tục và nộp hồ sơ thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công của tỉnh tại ban áp vào thứ 3 hằng tuần và trả kết quả (không thu phí dịch vụ) tại nhà cho người dân (Hiệp Xương); tiếp tục thực hiện mô hình “Tổ liên gia Chuyển đổi số”: Mục đích mỗi hộ gia đình có ít nhất từ 1-2 công dân số. Cụ thể, mỗi Ấp thành lập kết nối “Tổ tự quản với 30 hộ thành viên” được tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ tạo tài khoản dịch vụ công, nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu hồ sơ, thủ tục hành chính khác, thanh toán trực tuyến.... Các nhóm này sẽ được nhân rộng thành nhiều nhóm và gắn kết tuyên truyền về TTHC, nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến, sử dụng tài khoản VNeID để xuất trình khi có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính.

- UBND huyện Thoại Sơn:

+ Tiếp tục thực hiện: Đoàn viên, thanh niên thị trấn Óc Eo hỗ trợ đồng bào dân tộc khmer thực hiện các thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Tổ hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính 3 tại chỗ và trả kết quả tại nhà; Tổ tình nguyện hỗ trợ nhân dân thực hiện thủ tục hành chính, trả kết quả tại nhà; Mô hình “Vì dân phục vụ tận tụy, hết lòng, dân đến hài lòng, dân về nhớ mãi” và mô hình “Thư chúc mừng và thư chia buồn” của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Hòa; Mô hình "ngày không nhận hồ sơ giấy" tại xã An Bình và Xã Bình Thành.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: đề xuất các trường THPT hướng dẫn, hỗ trợ học sinh, cựu học sinh, phụ huynh học sinh tham gia thực hiện dịch vụ công trực tuyến khi có nhu cầu giải quyết TTHC liên quan đến lĩnh vực GDĐT.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC: Tỉnh đang thực hiện kiểm tra.

12. Nội dung khác

a. Định kỳ hằng tháng, công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

b. Cơ chế, chính sách phù hợp, bảo đảm bố trí đầy đủ nhân lực, kinh phí hàng năm cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- Chính sách, nhân lực phục vụ **công tác cải cách thủ tục hành chính**: trong thời gian qua UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 24/2020/QĐ-UBND, theo đó quy định số lượng cán bộ đầu mỗi kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị và địa phương với tổng số 426 người của 194 đơn vị (20 cơ quan thuộc UBND tỉnh; 11 UBND huyện, thị xã, thành phố; 156 xã, phường, thị trấn và 07 cơ quan ngành dọc), cụ thể lãnh đạo là 232 người chiếm tỷ lệ 54.46% và chuyên viên 194 người chiếm tỷ lệ 45.54%; tại Văn phòng UBND tỉnh bố trí 02 nhân sự giúp Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Công chức được phân công làm đầu mỗi kiểm soát thủ tục hành chính của các cơ quan đơn vị được hỗ trợ 440.000 đồng/tháng (theo Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 31/7/2023); Bồi dưỡng: Hàng năm Tỉnh tổ chức tập huấn các nội dung như: về nghiệp vụ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa một cửa liên thông; Về cải cách hành chính³: 390 lượt người.

- Nhân lực phục vụ **chuyển đổi số**: Bồi dưỡng: Hàng năm Tỉnh tổ chức tập huấn các nội dung về chuyển đổi số⁴: 1420 lượt người.

- **Bố trí kinh phí 2024 và các năm tiếp theo** cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số:

+ **Vốn đầu tư**: Giai đoạn 2021 – 2025, nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh bố trí vốn triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số với tổng vốn đầu tư là 318.095 triệu đồng (Công tác bảo vệ môi trường thực hiện 02 dự án với tổng vốn bố trí là 52.380 triệu đồng; Lĩnh vực Công nghệ thông tin thực hiện 12 dự án với tổng vốn bố trí là 265.715 triệu đồng).

³ Bồi dưỡng kỹ năng thực thi công vụ; ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; hội nhập quốc tế; và nâng cao hiệu quả trong công tác cải cách hành chính theo vị trí việc làm;

⁴ Kỹ năng ứng phó với những thách thức mới và chuyển đổi số; đảm bảo An toàn thông tin, an toàn dữ liệu tại cơ quan; đảm bảo an toàn về An toàn thông tin của người dùng, khai thác và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tập huấn thông tin cho Đoàn thể chính trị - xã hội về chính phủ số, kinh tế số, công dân điện tử; Kỹ năng viết tin, bài, biên tập tin cho biên tập các trang thông tin của các sở, ngành và địa phương; ...

+ **Vốn sự nghiệp bố trí dự toán năm 2024:** *Kinh phí đối với Đề án 06/CP* (Quý 2 năm 2024 đã bố trí: 2.939 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 1.245 triệu đồng); *Kinh phí đối với thực hiện chuyển đổi số* (Quý 2 năm 2024 đã bố trí: 31.268 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 20.168 triệu đồng); *Kinh phí đối với cải cách hành chính* (Quý 2 năm 2024 đã bố trí: 1.764 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 1.414 triệu đồng).

c. Kết quả thực hiện các nhóm chỉ tiêu Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 (đạt 5, chưa đạt 7), cụ thể:

Stt	Tên Chỉ tiêu	Chỉ tiêu được giao	Đơn vị tính	Tỷ lệ đạt	Tự đánh giá
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Tối thiểu 80	%	41.15	Chưa đạt
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Tối thiểu 45	%	59.97	Đạt
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Tối thiểu 50	%	69.53	Đạt
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Tối thiểu 80	%	72.87	Chưa đạt
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	100	%	76.69	Chưa đạt
6	Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện	100	%	100	Đạt
7	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	Tối thiểu 50	%	0.16	Chưa đạt
8	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn	100	%	61.11	Chưa đạt
9	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100	%	67.25	Chưa đạt

10	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	100	%	100	Đạt
11	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	Tối thiểu 90	%	97.53	Đạt
12	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (Số hồ sơ đồng bộ/Số hồ sơ BCQG)	100	%	67.25	Chưa đạt

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong Quý 2 năm 2024, UBND tỉnh An Giang nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau:

a. Thuận lợi:

- Hiện nay, công tác cải cách hành chính nói chung và kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính nói riêng được sự quan tâm chỉ đạo từ Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên đã tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân góp phần nâng cao nhận thức và chuyên môn trong thực thi công vụ. Nhờ vậy, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến có sự cải thiện đáng kể so với giai đoạn trước, thể hiện sự chuyển biến tích cực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết TTHC.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được triển khai và ứng dụng hiệu quả, tạo kênh tương tác thông suốt giữa cơ quan hành chính và người dân, doanh nghiệp. Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính chính xác và kịp thời. Nhờ vậy, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với các cơ quan hành chính được nâng lên rõ rệt.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện, góp phần tinh gọn thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC. Các thủ tục hành chính được công khai đầy đủ theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, thực hiện.

- Việc giải quyết TTHC sử dụng dịch vụ chuyển phát bưu điện, bưu chính công ích được triển khai, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện kiểm soát TTHC được tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết TTHC.

- Những kết quả đạt được trong công tác kiểm soát TTHC là minh chứng cho sự nỗ lực của các cơ quan hành chính trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

b. Khó khăn:

- Một số lĩnh vực thực hiện tiếp nhận, xử lý trên Cổng dịch vụ công của Bộ, ngành TW nhưng chưa đồng bộ đầy đủ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh nên công tác báo cáo, chỉ đạo điều hành của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện các giao dịch hồ sơ thủ tục hành chính mặc dù đã có sự chuyển biến rõ nét trong thời gian gần đây nhưng hiệu quả vẫn còn chưa cao, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức trực tiếp vẫn chiếm đa số trong tổng số lượng hồ sơ giao dịch; Tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (một phần, toàn trình) chưa cao nguyên nhân do người dân còn hạn chế trong việc áp dụng CNTT trong gửi hồ sơ điện tử, đồng thời đa số người dân sử dụng SIM điện thoại chưa chính chủ nên khó khăn trong quá trình đăng ký, đăng nhập để nộp hồ sơ trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Tỷ lệ hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cơ bản đáp ứng theo tỷ lệ được giao, tuy nhiên đa phần người dân An Giang chủ yếu làm nông nghiệp. Do đó về nhận thức, điều kiện tiếp cận các thông tin tuyên truyền của chính quyền địa phương còn hạn chế nên vẫn còn thói quen thích đến nộp hồ sơ trực tiếp hơn là nộp trực tuyến. Từ đó, gây áp lực rất lớn cho cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa (phải làm thay người dân để đơn vị đạt tỷ lệ được cấp trên giao).

- Công tác Chứng thực bản sao điện tử ở Bộ phận một cửa các cấp tỷ lệ còn thấp, nguyên nhân chủ yếu do người dân chưa nhận thức được lợi ích trong tương lai.

- Việc số hóa hồ sơ đầu vào tại Bộ phận một cửa các cấp vẫn còn thấp so với hồ sơ tiếp nhận, một phần do các đơn vị chưa quan tâm đầu tư, bố trí trang thiết bị phục vụ công tác số hoá.

- Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện kiểm soát TTHC phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ và thay đổi thường xuyên nên việc cập nhật đôi khi còn chậm trễ.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận “Một cửa” không còn, do đó chưa động viên kịp thời tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày

07/8/2017 của Chính phủ; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Theo dõi, đôn đốc bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/04/2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024; các nội dung theo Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 về tiếp tục đẩy mạnh giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tiếp tục rà soát đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công trực tuyến đã cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm; tiếp tục rà soát cắt giảm ít nhất 20% các thông tin phải khai báo khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo đúng Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Quyết định số 468/QĐ-TTg và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ trong việc triển khai thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Chỉ đạo các đơn vị khẩn trương, nghiêm túc thực hiện các nội dung tại Công điện 644/CĐ-TTg ngày 13/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Quyết định 933/QĐ-TTg ngày 06/08/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhóm chỉ tiêu Chính phủ giao về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện tốt và đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương, UBND tỉnh An Giang có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Văn phòng Chính phủ

1.1. Về Cổng Dịch vụ công quốc gia và Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp:

Bổ sung chức năng thống kê, báo cáo và truy xuất dữ liệu:

- Theo các tiêu chí của Quyết định số 766/QĐ-TTg về Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; Phục vụ theo dõi, quản lý, tham mưu chỉ đạo, báo cáo số liệu và phân cấp cho cán bộ địa phương;

- Bổ sung tính năng cho tài khoản cấp tỉnh, Sở tư pháp, UBND huyện, thị xã, thành phố (địa chỉ: <https://quantri.dichvucong.gov.vn>) được thống kê dữ liệu chứng thực điện tử các các đơn vị cấp dưới.

Điều chỉnh cách tính tỷ lệ đối với các tiêu chí:

- Xem xét điều chỉnh cách tính tỷ lệ đối với các tiêu chí số hóa hồ sơ, công khai, minh bạch của Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg trên Cổng dịch vụ công quốc gia để phù hợp tình hình thực tiễn tại địa phương, đánh giá chính xác, hiệu quả hơn, như tỷ lệ sử dụng lại văn bản tài liệu số hoá (chỉ đánh giá những thủ tục có khả năng sử dụng lại tài liệu..); Đánh giá tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính... ; Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia cũng xem xét đánh giá theo số lượng hồ sơ phát sinh thực tế....

- Bổ sung, hiển thị trên bản đồ thể chế theo Quyết định 766/QĐ-TTg các chỉ số của Sở, ngành để tỉnh theo dõi, đánh giá các tỷ lệ, cụ thể:

+ Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử;

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa;

Đảm bảo đồng bộ dữ liệu hồ sơ giải quyết TTHC:

Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo đồng bộ dữ liệu hồ sơ giải quyết TTHC trên các phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương. Đối với hồ sơ giải quyết TTHC trên các phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương thì tính số lượng các hồ sơ đó cho địa phương để đảm bảo thống nhất dữ liệu giữa tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ với báo cáo trên Hệ thống báo cáo Chính phủ.

Thanh toán trực tuyến:

- Kiến nghị bổ sung nội dung kết xuất thông kê báo cáo trên Cổng Dịch vụ công quốc gia cho việc thanh toán phí, lệ phí trực tuyến thêm 2 trường thông tin: họ tên và số biên lai vào báo cáo thông kê phí - lệ phí thanh toán trực tuyến Paymnet Platform để công chức, viên chức đầu mối thuận tiện đối soát, báo cáo và thanh quyết toán.

- Kiến nghị bổ sung trên Cổng dịch vụ công quốc gia việc thanh toán trực tuyến đối với các hồ sơ chứng thực điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Sớm bổ sung mã QR thanh toán trực tuyến trên nền tảng Payment platform để giúp rút ngắn được thời gian nộp hồ sơ của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện nộp trực tuyến, ngoài ra đảm bảo được tính bảo mật thông tin, dữ liệu cá nhân khi không cần phải thực hiện như thao tác hiện nay (nhập thông tin trên Payment platform như: Họ và tên; Số điện thoại; Mật khẩu SmartBanking và Mã Captcha).

Có giải pháp tự động đồng bộ trạng thái hồ sơ:

- Kiến nghị có giải pháp tự động đồng bộ trạng thái hồ sơ giữa Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của tỉnh để tiết kiệm thời gian công chức, viên chức phải rà soát các hồ sơ chưa đồng bộ và ghi nhận xử lý trễ hẹn trên Cổng dịch vụ công quốc gia (trong khi Cổng dịch vụ công của tỉnh ghi nhận hồ sơ xử lý trước hoặc đúng hạn) ảnh hưởng đến tiêu chí Tiến độ giải quyết của các đơn vị, địa phương về thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ cập nhật Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo tăng suất 01 lần/ngày để công chức KSTTHC tại địa phương kịp thời theo dõi, đôn đốc bộ phận chuyên môn thực hiện đạt hiệu quả cao hơn.

Xem xét lại việc đánh giá tiêu chí công khai minh bạch:

Kiến nghị xem xét lại việc đánh giá tiêu chí công khai minh bạch theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp (Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày

23/6/2022) dựa vào số liệu tiếp nhận của năm trước không phản ánh đúng với thực tế thời điểm hiện nay.

Lý do, năm 2023 người dân thực hiện nhiều hồ sơ, như: đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ giấy tờ, trích lục hộ tịch, thay đổi cải chính thông tin hộ tịch,.... để phục vụ việc cấp căn cước công dân. Tuy nhiên, năm 2024 thì số lượng hồ sơ giảm đáng kể nên không thể duy trì theo số lượng hồ sơ đã tiếp nhận của năm 2023, do đa số người dân đã có CCCD nên nhu cầu thực hiện TTHC giảm đi rất nhiều.

Xem xét bổ sung trạng thái tạm dừng xử lý hồ sơ:

Kết nối, đồng bộ tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC với Cổng dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2024; Theo tài liệu hướng dẫn tại khoản 4, khoản 5 mục 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia có địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-huong-dan-bo-nganh-dia-phuong.html> trong đó quy định, hướng dẫn 10 trạng thái hồ sơ, bao gồm: Mới đăng ký, Được tiếp nhận, Không được tiếp nhận, Đang xử lý, Yêu cầu bổ sung giấy tờ, Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính, Công dân yêu cầu rút hồ sơ, Dừng xử lý, Đã xử lý xong, Đã trả kết quả. Tuy nhiên, không có trạng thái tạm dừng hồ sơ chờ khắc phục như quy định của thủ tục.

Ví dụ tại TTHC liên quan đến lĩnh vực An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện (không trả hồ sơ) sau khi thẩm định tại cơ sở chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục, các cơ quan chuyên môn của tỉnh yêu cầu các tổ chức, cá nhân khắc phục trong thời gian 30 ngày (điểm đ khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018).

Đề nghị Văn phòng Chính phủ bổ sung trạng thái tạm dừng hồ sơ chờ khắc phục.

1.2. Về các thủ tục hành chính:

Hiện nay, qua rà soát có 07 TTHC lĩnh vực đất đai cùng 01 thủ tục tồn tại giữa mã cũ, mã mới trên cơ sở dữ liệu TTHC. Do đó, để tránh sự nhầm lẫn trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiến nghị, hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang xử lý các mã cũ để thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tra cứu và nộp hồ sơ; việc rà soát, cập nhật thủ tục hành chính đối với các công chức phụ trách cũng tiết kiệm thời gian hơn. **(Phụ lục 5 đính kèm)**

1.3. Về đề xuất chung:

- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành TW xem xét, nghiên cứu công bố danh mục các TTHC có thành phần hồ sơ có quy định tái sử dụng; ban hành danh mục kết quả điện tử các cấp để công chức, viên chức thực

hiện khai thác, tái sử dụng kết quả số hóa cho TTHC khác đồng loạt và thống nhất.

- Đôn đốc các Bộ, ngành, Trung ương sớm ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình để địa phương triển khai thực hiện đảm bảo theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/05/2024 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Thường xuyên tổ chức Tập huấn trực tiếp nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính cho địa phương, trong đó quan tâm tập huấn các nội dung mới theo Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các văn bản có liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính cũng như công tác cải cách thủ tục hành chính.

- Biên soạn sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và cấp phát cho địa phương để nghiên cứu thực hiện hoặc biên soạn và cung cấp file cho tỉnh để in và phát cho các cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu, thực hiện.

2. Bộ Tài chính

Kiến nghị Bộ Tài chính sớm hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng hệ thống Dịch vụ công trực tuyến Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách để đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm đảm bảo chỉ tiêu về công khai, minh bạch trong giải quyết hồ sơ TTHC của Sở Tài chính nói riêng và của tỉnh An Giang nói chung.

2. Bộ Công an

Chủ trì, phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, xây dựng văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, nhằm đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong quá trình triển khai.

3. Bộ Giao thông vận tải

- Bộ Giao thông vận tải khi thực hiện công bố thủ tục hành chính nên gửi Quyết định đến địa phương để tiến hành công bố, công khai theo đúng thời gian quy định (Theo khoản 5, Điều 9 tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP có quy định về Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ).

- Cục Đường bộ Việt Nam hỗ trợ đồng bộ dữ liệu giữa phần mềm chuyên ngành với Công dịch vụ công quốc gia, đồng thời sớm hướng dẫn việc thực hiện kết nối dữ liệu giữa hệ thống cấp giấy phép lái xe với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (Công văn số 611/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 20/3/2024 của Sở Giao thông vận tải) đảm bảo việc đồng bộ dữ liệu giữa các phần mềm, tránh làm ảnh hưởng đến kết quả chỉ số công khai, minh bạch của đơn vị và của tỉnh theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.

3. Bộ Nội vụ

Kiến nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, sử dụng kết quả đánh giá của Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ là cơ sở đánh giá công tác cải cách TTHC của địa phương để đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần cải cách TTHC theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ.

4. Bộ Giao thông vận tải

Đề nghị Bộ Giao Thông vận tải có ý kiến đối với Cục Đường bộ Việt Nam bổ sung thêm tính năng trả hồ sơ/hủy hồ sơ trên hệ thống Đăng ký dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (<http://dvc4.gplx.gov.vn>) đối với các hồ sơ không đủ điều kiện để thực hiện khi người dân nộp hồ sơ trực tuyến (không bổ sung hồ sơ khi hồ sơ không đầy đủ), tránh tình trạng hồ sơ bị treo, quá hạn, làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị.

UBND tỉnh An Giang kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Nội vụ;
- Đồng chí Phùng Đức Tiến, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh An Giang (đăng tải B/C);
- Công TTĐT VP. UBND tỉnh An Giang (đăng tải B/C);
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh, phòng, ban, trung tâm;
- Lưu VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước

PHỤ LỤC 1

Các quyết định Công bố danh mục TTHC

(Kèm theo Báo cáo số 620/BC-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 12/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

2. Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 31/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

3. Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 31/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp;

4. Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

5. Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 23/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

6. Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 17/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

7. Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

8. Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

9. Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

10. Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 08/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản, lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

11. Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 04/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

12. Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 04/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

13. Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 04/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

14. Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 19/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

15. Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 19/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

16. Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 19/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

17. Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

18. Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 10/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

19. Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

20. Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 10/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

21. Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 10/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

22. Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

23. Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 03/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

24. Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

25. Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;

26. Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 26/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

27. Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 22/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kiểm

lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

28. Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 21/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Công chức, viên chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

29. Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 19/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

PHỤ LỤC 2

Các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
(Kèm theo Báo cáo số 620/BC-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 14/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

2. Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

3. Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 27/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

4. Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 27/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ thay thế trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

5. Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 22/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

6. Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 20/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

7. Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 15/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

8. Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang;

9. Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 15/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

10. Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 15/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

11. Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 05/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính An Giang;

12. Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 03/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải áp dụng tại Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang;

13. Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 03/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

PHỤ LỤC 3

Thông kê các đơn vị gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
(Kèm theo Báo cáo số 620/BC-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

STT	Đơn vị	Đánh giá tiến độ	Thực hiện ký số	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
CẤP TỈNH				
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	Trước hạn	Đã ký số	x
2	Sở Công Thương	Trước hạn	Đã ký số	x
3	Sở Giao thông vận tải	Trước hạn	Đã ký số	x
4	Sở Ngoại vụ	Trước hạn	Đã ký số	x
5	Sở Tài chính	Trước hạn	Đã ký số	x
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trước hạn	Đã ký số	x
7	Sở Y tế	Trước hạn	Đã ký số	x
8	Thanh tra tỉnh	Trước hạn	Đã ký số	x
9	Ban Dân tộc	Trước hạn	Không ký số	x
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trước hạn	Không ký số	x
11	Sở Thông tin và Truyền thông	Trước hạn	Không ký số	x
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đúng hạn	Đã ký số	x
13	Sở Khoa học và Công nghệ	Đúng hạn	Đã ký số	x
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Đúng hạn	Đã ký số	x
15	Sở Nội vụ	Đúng hạn	Đã ký số	x
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đúng hạn	Đã ký số	x
17	Sở Tư pháp	Đúng hạn	Đã ký số	x
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đúng hạn	Không ký số	x
19	Sở Xây dựng	Quá hạn	Không ký số	x
NGÀNH DỤC				
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
2	Hải quan tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy

STT	Đơn vị	Đánh giá tiến độ	Thực hiện ký số	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
3	Cục thuế tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
4	Công an tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
5	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
7	Ngân hàng chính sách xã hội			0
8	Ngân hàng phát triển Việt Nam	Đúng hạn		Báo cáo giấy
CẤP HUYỆN				
1	Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn	Trước hạn	Đã ký số	x
2	Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc	Trước hạn	Đã ký số	x
3	Ủy ban nhân dân huyện An Phú	Trước hạn	Đã ký số	x
4	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	Trước hạn	Đã ký số	x
5	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	Đúng hạn	Đã ký số	x
6	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	Đúng hạn	Đã ký số	x
7	Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn	Đúng hạn	Không ký số	x
8	Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên	Quá hạn	Đã ký số	x
9	Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu	Quá hạn	Đã ký số	x
10	Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên	Quá hạn	Đã ký số	x
11	Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú	Quá hạn	Không ký số	x

Ghi chú:

- x: đã thực hiện tốt công tác kiểm soát TTTC và thực hiện nghiêm túc chế độ, thông tin báo cáo theo quy định (đủ điều kiện hỗ trợ chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát TTTC).

- 0: Chưa gửi báo cáo (Tại thời điểm hoàn chỉnh báo cáo).

PHỤ LỤC 4

Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã Quý 2 năm 2024 trên hệ thống Báo cáo Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 620/BC-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

I. SỐ LIỆU TỔNG CỦA TỪNG CẤP

Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn trong kỳ (bao gồm hồ sơ đã xử lý và đang xử lý) = Tổng số hồ sơ đã xử lý và đang xử lý trước hạn, đúng hạn và trong hạn trong kỳ / Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong kỳ * 100% (Công thức theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG = 1+2+3	277.791	189.281	83.171	5.339	258.115	102.206	155.785	124	19.676	19.666	10	277.657	99,95%
1	CẤP TỈNH	84.154	50.114	32.001	2.039	68.107	18.095	49.978	34	16.047	16.037	10	84.110	99,95%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
2	CẤP HUYỆN	61.854	35.239	23.354	3.261	58.271	27.754	30.448	69	3.583	3.583	-	61.785	99,89%
3	CẤP XÃ	131.783	103.928	27.816	39	131.737	56.357	75.359	21	46	46	-	131.762	99,98%
4	CÁC CƠ QUAN NGÀNH ĐỌC	1.006.391	870.669	115.822	19.900	996.737	419.423	577.301	13	9.220	9.220	0	1.005.944	99,96%

II. CHI TIẾT CẤP TỈNH

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	84.154	50.114	32.001	2.039	68.107	18.095	49.978	34	16.047	16.037	10	84.110	100%
1	Sở Giao thông Vận tải	36.355	7.077	29.278	-	36.355	-	36.336	19	-	-	-	36.336	100%
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	26.472	26.284	182	6	12.177	-	12.177	-	14.295	14.295	-	26.472	100%
3	Sở Công thương	10.685	10.650	9	26	10.668	10.668	-	-	17	17	-	10.685	100%
4	Sở Tư pháp	4.952	2.261	2.083	608	4.586	4.585	-	1	366	366	-	4.951	100%
5	Sở Nội vụ	1.586	143	267	1.176	727	598	129	-	859	859	-	1.586	100%
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.204	1.156	45	3	1.196	857	339	-	8	8	-	1.204	100%
7	Sở Y tế	970	901	12	57	768	-	756	12	202	202	-	958	99%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	592	548	8	36	537	537	-	-	55	55	-	592	100%
9	Sở Xây dựng	462	336	55	71	352	352	-	-	110	110	-	462	100%
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	316	251	35	30	231	-	231	-	85	75	10	306	96,8%
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	223	204	-	19	187	186	-	1	36	36	-	222	99,6%
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	167	163	-	4	161	160	-	1	6	6	-	166	99%
13	Sở Tài chính	85	85	-	-	82	82	-	-	3	3	-	85	100%
14	Sở Khoa học và Công nghệ	31	29	-	2	29	29	-	-	2	2	-	31	100%
15	Thanh tra tỉnh	18	-	18	-	18	11	7	-	-	-	-	18	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
16	Sở Thông tin và truyền thông	17	17	-	-	16	16	-	-	1	1	-	17	100%
17	Ban quản lý Khu kinh tế	13	3	9	1	11	11	-	-	2	2	-	13	100%
18	Sở Ngoại vụ	6	6	-	-	6	3	3	-	-	-	-	6	100%
19	Ban dân tộc	-				-				-			-	0%

III. CHI TIẾT CẤP HUYỆN

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4) +(5) +(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9) +(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12) +(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9) +(12)	(15)= (14)/ (3)
	TỔNG	61.854	35.239	23.354	3.261	58.271	27.754	30.448	69	3.583	3.583	-	61785	99,9%
1	Huyện Tri Tôn	9.050	3.728	5.055	267	8.492	8.198	294	-	558	558	-	9050	100%
2	Huyện Chợ Mới	8.813	5.531	3.041	241	8.408	4.590	3.807	11	405	405	-	8802	99,9%
3	Huyện Châu Phú	7.329	2.131	4.851	347	6.859	5.089	1.742	28	470	470	-	7301	99,6%
4	TP. Long Xuyên	5.754	5.459	288	7	5.749	3.548	2.200	1	5	5	-	5753	100,0%
5	Huyện Tịnh Biên	5.595	4.928	49	618	5.213	2.203	2.991	19	382	382	-	5576	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4) +(5) +(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9) +(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12) +(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9) +(12)	(15)= (14)/ (3)
6	Huyện Châu Thành	5.466	2.939	2.360	167	5.228	2.206	3.022	-	238	238	-	5466	100%
7	Huyện Thoại Sơn	5.298	1.025	3.776	497	4.792	737	4.054	1	506	506	-	5297	100%
8	Huyện Phú Tân	5.195	4.649	227	319	4.867	853	4.007	7	328	328	-	5188	99,9%
9	Huyện An Phú	4.203	2.321	1.633	249	3.919	167	3.750	2	284	284	-	4201	100,0%
10	Thị xã Tân Châu	2.599	756	1.309	534	2.229	163	2.066	-	370	370	-	2599	100%
11	TP. Châu Đốc	2.552	1.772	765	15	2.515	-	2.515	-	37	37	-	2552	100%

IV. CHI TIẾT CẤP XÃ

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12) +(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9)+(12)	(15)= (14)/(3)
	TỔNG	131.783	103.928	27.816	39	131.737	56.357	75.359	21	46	46	-	131762	99,98%
1	Huyện Thoại Sơn	17.453	11.090	6.363	-	17.453	3.268	14.185	-	-	-	-	17453	100%
2	TP. Long Xuyên	16.867	16.030	829	8	16.864	3.944	12.918	2	3	3	-	16865	99,99%
3	Huyện Chợ Mới	16.265	14.650	1.612	3	16.259	8.173	8.082	4	6	6	-	16261	100%
4	Huyện Tri Tôn	15.633	5.430	10.196	7	15.622	4.012	11.609	1	11	11	-	15632	100%
5	Huyện Châu Phú	14.399	10.620	3.779	-	14.390	7.277	7.112	1	9	9	-	14398	99,99%
6	Huyện Tịnh Biên	13.863	12.383	1.478	2	13.859	6.775	7.084	-	4	4	-	13863	100%
7	Huyện Phú Tân	10.924	10.662	255	7	10.920	10.873	40	7	4	4	-	10917	99,94%
8	Huyện An Phú	9.736	7.564	2.164	8	9.734	4.970	4.762	2	2	2	-	9734	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12) +(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9)+(12)	(15)= (14)/(3)
9	Huyện Châu Thành	6.741	6.741	-	-	6.741	3.037	3.704	-	-	-	-	6741	100%
10	TP. Châu Đốc	5.382	4.546	836	-	5.379	1.803	3.574	2	3	3	-	5380	100%
11	Thị xã Tân Châu	4.520	4.212	304	4	4.516	2.225	2.289	2	4	4	-	4518	99,96%

V. CHI TIẾT NGÀNH DỤC

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyển	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	1.006.391	870.669	115.822	19.900	996.737	419.423	577.301	13	9.220	9.220	-	1.005.944	99,96%
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	399.656	360.851	27.447	11.358	390.854	366.607	24.247	-	8.361	8.361	-	399.215	100%
2	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	278.057	274.893	3.164	-	278.057	43.235	234.809	13	-	-	-	278.044	100%
3	Công an tỉnh An Giang	236.321	169.955	58.001	8.365	235.740	219	235.521	-	581	581	-	236.321	100%
4	Cục Thuế tỉnh An Giang	72.233	54.201	17.861	171	71.959	9.295	62.664	-	274	274	-	72.233	100%
5	Cục Hải quan tỉnh An Giang	20.052	10.769	9.283	-	20.059	-	20.059	-	-	-	-	20.059	100%
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang	67	-	66	1	63	62	1	-	4	4	-	67	100%
7	Ngân hàng phát triển Việt Nam	5	-	-	5	5	5	-	-	-	-	-	5	100%

PHỤ LỤC 5**Các thủ tục tồn tại 02 mã trên Cơ sở dữ liệu TTHC**

(Kèm theo Báo cáo số 620/BC-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Ghi chú
1	1.004199.000.00.00.H01 (mã cũ: 1.003040.000.00.00.H01)	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	141/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	Mã cũ thuộc trường hợp chưa thành lập Văn phòng Đăng ký đất
2	1.011616.000.00.00.H01 ((số cũ 1.003003.000.00.00.H01)	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	141/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	Tại thời điểm công địa phương hóa chưa cập nhật mã mới nên công khai mã cũ
3	2.000983.000.00.00.H01 (mã cũ: 1.002973.000.00.00.H01)	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	141/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	Mã cũ thuộc trường hợp chưa thành lập Văn phòng Đăng ký đất
4	1.002255.000.00.00.H01 (mã cũ: 1.002962.000.00.00.H01)	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	141/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	Mã cũ thuộc trường hợp chưa thành lập Văn phòng Đăng ký đất
5	1.001045.000.00.00.H01 (số cũ 1.001980.000.00.00.H01)	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	141/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	Tại thời điểm công địa phương hóa chưa cập nhật mã mới nên công khai mã cũ
6	1.011982.000.00.00.H01 (số cũ: 2.001761.000.00.00.H01)	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đòn điền đổi thửa” (đồng loạt)	141/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	Tại thời điểm công địa phương hóa chưa cập nhật mã mới nên công khai mã cũ
7	1.001009.000.00.00.H01 (mã cũ: 2.000407.000.00.00.H01)	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (đã có Văn phòng đăng kí đất đai - cấp tỉnh)	797/QĐ-UBND	Mã cũ thuộc trường hợp chưa thành lập Văn phòng Đăng ký đất